

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN U MINH THƯỢNG  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 06/02/2020

*“Về việc ly hôn và yêu cầu nuôi con,  
cấp dưỡng và chia tài sản chung”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG-TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông Lư Quốc Thịnh.*

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1- Ông **Phạm Duy Tân**

2- Bà **Phạm Thị Lan**

**- Thư ký phiên tòa: Bà Thị Thúy Kiều.** Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng tham gia phiên tòa:** Thuộc trường hợp không tham gia phiên tòa sơ thẩm.

Ngày 06 tháng 02 năm 2020, Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 167/2019/TLST-HNGĐ, ngày 09 tháng 12 năm 2019 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con, cấp dưỡng nuôi con và chia tài sản chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2020/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2020, giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Chị **Phan Mỹ T**, sinh năm 1989. (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp L, xã Đ, huyện N, tỉnh C.

2- Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1979. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện U, tỉnh K.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 30/9/2019 nguyên đơn chị Phan Mỹ T trình bày và yêu cầu như sau:*

- Về hôn nhân: Chị và anh T tự nguyện đi đến hôn nhân do có người làm mai, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán địa phương vào ngày 21/12/2017 âm lịch, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện U, tỉnh K ngày

18/01/2018. Trong thời gian chung sống vợ chồng không hợp nhau, hôn nhân không hạnh phúc do bất đồng quan điểm. Lý do vợ chồng cưới nhau được một tuần thì anh T hỏi mượn số vàng cưới của chị là 5,5 chỉ vàng 24k để bán chi xài cá nhân, sau vài tháng kết hôn khi biết chị mang thai thì anh T không ngủ chung với chị nữa, mà đi sớm về khuya, thậm chí nhiều khi không về nhà. Chị mang thai được một tháng thì bị bệnh, không ăn uống gì được, chị kêu anh T chở đi khám bệnh nhưng anh T không đi cũng không quan tâm đến chị. Thấy vậy, chị về nhà cha, mẹ ruột của mình ở và được cha, mẹ chị đưa chị đi khám bệnh, nhập viện điều trị tại Bệnh viện Đa Khoa huyện C, tỉnh C. Anh T không đến thăm nom trong thời gian chị điều trị bệnh. Anh T không có trách nhiệm của người chồng nên có chị mời thân tộc hai bên đến giải quyết, sau đó chị đã về nhà mẹ ruột sống ly thân với anh T hơn 15 tháng nay. Thời điểm sinh con, chị có thông báo cho anh T biết nhưng anh T không có trách nhiệm và không quan tâm đến vợ, con.

Chị cảm thấy tình nghĩa vợ chồng với anh T không còn nữa, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh T.

- Về con chung: Chị và anh T có 01 người con chung tên Nguyễn Trúc H, sinh ngày 06/12/2018, giới tính nữ. Con đang sống với chị. Khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: Chị và anh T có 5,5 chỉ vàng 24k là số vàng nữ T mà cha, mẹ chồng cho trong ngày cưới. Anh T đã mượn lại hết số vàng trên và bán chi xài cá nhân. Theo đơn khởi kiện chị yêu cầu anh T trả lại toàn bộ số vàng trên cho chị nhưng nay chị xin thay đổi ý kiến, chị rút lại yêu cầu này.

- Về nợ chung: Không có, nên chị không yêu cầu giải quyết.

*Tại tờ tường trình ngày 30/12/2019 và biên bản hòa giải ngày 02/01/2020 của bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:*

- Về hôn nhân: Về quan hệ hôn nhân thì thời gian vợ chồng cưới nhau và đăng ký kết hôn đúng như vợ anh trình bày. Còn nguyên nhân mâu thuẫn thì vợ anh trình bày không đúng, vì khi cưới chị T thì trước đó anh có 01 đời vợ nhưng vợ trước anh qua đời còn để lại một số nợ nên anh phải lo đi làm để Ttrả nợ nần và chăm lo cho cuộc sống của vợ chồng nhưng chị T vợ anh không chịu hiểu mà cho rằng anh bỏ bê

vợ không quan tâm là không đúng. Vợ anh tự ý bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống khoảng 15 tháng nay, từ đó đến nay anh cũng không có xuống nhà vợ để thăm vợ con, vì vợ anh tự bỏ nhà đi chứ anh không có lỗi gì nên anh giận anh không xuống thăm.

Nay theo yêu cầu của vợ anh thì anh không đồng ý ly hôn, vì anh còn thương vợ con, anh đề nghị vợ anh về đoàn tụ hàn gắn để vợ chồng chăm lo cho con.

- Về con chung: Anh thống nhất với lời trình bày của chị T là vợ chồng có 01 người con chung tên Nguyễn Trúc H, sinh ngày 06/12/2018, giới tính nữ. Con đang sống với chị T.

Nếu trong trường hợp, Tòa án giải quyết cho vợ chồng anh ly hôn thì anh đồng ý giao con cho vợ anh nuôi dưỡng, anh không đồng ý cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Đối với số vàng cưới cha mẹ cho trong ngày cưới thì vợ chồng đã bán chi xài hết, anh thống nhất với ý kiến của chị T về việc rút lại yêu cầu này chia số vàng này.

- Về nợ chung: Anh xác định không có, nên không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Phan Mỹ T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn và yêu cầu nuôi con, về cấp dưỡng nuôi con chị T trình bày là chị có đủ điều kiện để nuôi con nên không tiếp tục yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh T vắng mặt tại phiên tòa.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử ( HĐXX) nhận định:

[1] Về thẩm quyền xét xử: Đây là quan hệ tranh chấp về ly hôn, bị đơn có nơi cư trú trên địa giới hành chính huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang xét xử là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng: Đối với anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đối với anh Nguyễn Văn T.

[3] Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Chị T và anh T cưới nhau vào năm 2017 âm lịch và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện U, tỉnh K và

được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 18/01/2018 nên quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh T là hợp pháp.

Về mâu thuẫn, theo chị T trình bày thì sau thời gian vợ chồng chung sống giữa vợ chồng xảy ra bất đồng quan điểm với nhau do anh T không quan tâm chăm lo cho chị. Từ khi chị mang thai cho đến khi sinh con anh T không quan tâm chăm sóc, thăm hỏi. Vợ chồng đã ly thân với nhau từ khi chị T mang thai con chung và về nhà cha mẹ ở C cho đến nay. Anh T không đồng ý ly hôn, cho rằng mình còn thương vợ, con nhưng từ khi vợ chồng ly thân cho đến nay bản thân anh T không đến thăm nom vợ mình, kể cả khi biết vợ mình mang thai và sinh con thì anh T cũng không quan tâm đến. Tại phiên tòa hôm nay thì chị T vẫn giữ yêu cầu được ly hôn với anh T.

Từ đó, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T xử cho chị T và anh T ly hôn với nhau là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Chị T và anh T có 01 đứa con tên Nguyễn Trúc H, sinh ngày 06/12/2018. Hiện đang sống với chị T, khi ly hôn chị T yêu cầu được nuôi con, anh T đồng ý giao con cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Mặt khác, đối với cháu Nguyễn Trúc H chưa đủ 36 tháng tuổi nên việc giao cháu H cho mẹ là chị T nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Vì vậy, HĐXX ghi nhận sự thỏa thuận này giữa chị T và anh T.

Về cấp dưỡng nuôi con, tại phiên tòa chị T trình bày là chị có đủ điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc con nên chị không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng. HĐXX ghi nhận ý kiến của T về việc không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập xem xét.

Về tài sản: Chị T rút lại yêu cầu chia phần tài sản chung và anh T thống nhất nên HĐXX chấp nhận và đình chỉ giải quyết yêu cầu này.

Về nợ chung: Chị T và anh T thống nhất xác định không có nên HĐXX không đề cập xem xét.

Trong trường hợp, sau khi ly hôn có phát sinh tranh chấp về quyền tài sản và nợ trong thời kỳ hôn nhân thì sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

[4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Buộc chị Phan Mỹ T phải chịu 300.000đ nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp là 850.000đ theo lai thu số 0003127 ngày 02/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên

Giang. Chị T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 550.000đ (Năm trăm năm mươi ngàn đồng).

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Các Điều 9, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Phan Mỹ T và anh Nguyễn Văn T được ly hôn với nhau.

2. Về con chung: Giao con tên Nguyễn Trúc H, sinh ngày 06/12/2018, giới tính nữ cho chị Phan Mỹ T tiếp tục nuôi dưỡng. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh T có quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung không ai có quyền ngăn cản, nhưng không được lợi dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng con của chị T.

3. Về tài sản chung: Đình chỉ giải quyết yêu cầu chia tài sản của chị T đối với số vàng 5,5 chỉ vàng 24k.

4. Về nợ chung: HĐXX không đề cập xem xét. Trong trường hợp, sau khi ly hôn có phát sinh tranh chấp về quyền tài sản và nợ trong thời kỳ hôn nhân thì sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

5. Về án phí sơ thẩm vụ án: Buộc chị Phan Mỹ T phải chịu 300.000đ nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp là 850.000đ theo lai thu số 0003127 ngày 02/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang. Chị T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 550.000đ (Năm trăm năm mươi ngàn đồng)

6. Báo quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, báo cho chị Phan Mỹ T biết có quyền kháng cáo Bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (06/02/2020). Đối với anh Nguyễn Văn T vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi

hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện;
- THADS huyện;
- UBND xã M;
- Các đương sự;
- Lưu Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lư Quốc Thịnh**